

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC: TỪ TRUYỀN THỐNG 3P ĐẾN KIỂU “THẢ NEO”

Nguyễn Văn Thiện¹, Chu Quang Thảng²

Tóm tắt: Phương pháp dạy học “3P” chia việc dạy ngôn ngữ thành ba giai đoạn: *Present* → *Practice* → *Production*. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên tạo điều kiện cho sinh viên nắm vững kiến thức ngôn ngữ bằng cách trình bày và thực hành kiến thức đó, sau đó cho phép sinh viên tham gia vào giao tiếp giả định dưới sự kiểm soát hoặc bán kiểm soát, từ đó đạt được đầu ra ngôn ngữ và hình thành kết quả học tập. Phương pháp dạy học theo kiểu “thả neo” được phát triển từ những quan điểm lí luận của thuyết kiến tạo. Theo đó, sinh viên phải là chủ thể của lớp học, đồng thời phát huy vai trò hướng dẫn của giảng viên. Trong giờ giảng, phải lấy người học làm trung tâm, sinh viên được tham gia giao tiếp nhiều nhất có thể, được nâng cao năng lực giao tiếp trong ngữ cảnh gần với thực tế, từ đó được không ngừng nâng cao tri thức và năng lực tri nhận cho mình.

Từ khóa: Phương pháp dạy học 3P, phương pháp dạy học theo kiểu “thả neo”, tiếng Trung Quốc

1. MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ chính của giờ học ngoại ngữ là trau dồi khả năng ngoại ngữ thực tế vững chắc cho sinh viên, tức là trau dồi khả năng nghe, nói, đọc và viết một cách chuyên nghiệp của sinh viên trong quá trình làm việc sau này. Hiện nay, việc dạy ngoại ngữ ở hầu hết các trường cao đẳng và đại học về cơ bản đều áp dụng mô hình giảng dạy 3P truyền thống, dụng cụ giảng dạy chủ yếu là sách, bảng lật, ppt và file mp3. Đúng là phương pháp giảng dạy truyền thống không có gì sai, nhưng chúng tôi tin rằng nếu việc dạy ngoại ngữ muốn thích ứng với nhu cầu thực tế và nâng cao trình độ dạy học thì phải tạo ra sự đột phá trong mô hình dạy học. Sử dụng các công cụ dạy học hiện đại kết hợp với internet để tạo ra các tình huống thực tế cho sinh viên, từ đó phát huy tối đa hứng thú học tập và động lực bên trong của sinh viên, giúp sinh viên cảm nhận được niềm vui học tập, nâng cao tính chủ động học tập.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lí luận

2.1.1. Mô hình dạy học 3P:

¹ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

² Trường Đại học Đại Nam

Quan niệm truyền thống về dạy ngôn ngữ nói chung, dạy ngoại ngữ nói riêng, đều lấy giáo viên làm trung tâm và được thực hiện theo ba bước: Present, Practice, Production/PPP, thường được gọi là mô hình dạy học 3P. Đây là phương pháp dạy học đã được áp dụng từ lâu trong dạy học ngôn ngữ, là sản phẩm của mô hình giảng dạy ngôn ngữ giao tiếp (CLT) được hình thành ở nước ngoài vào những năm 1970. Trong quá trình Presentation, giáo viên giới thiệu cho học sinh những kiến thức mới về ngôn ngữ cần học, tìm cách thu hút sự quan tâm học sinh đối với các câu mới, đoạn thoại mới hoặc bài viết mới, kích thích sự tò mò của học sinh và kiểm tra sự hiểu biết của học sinh về các vấn đề chính mà giáo viên vừa mới dạy. Quá trình Practice giáo viên cho học sinh rất nhiều cơ hội tập luyện, khuyến khích học sinh sử dụng càng nhiều kiến thức mới càng tốt, luyện tập lặp đi lặp lại các kiểu câu và không ngừng nâng cao tính chính xác trong việc sử dụng ngôn ngữ. Production thực chất là đầu ra của một ngôn ngữ, nghĩa là giáo viên tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động thực hành ngôn ngữ sáng tạo và giúp học sinh sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp trên cơ sở học sinh hiểu và nắm vững hoàn toàn các kiến thức ngôn ngữ mới được dạy. Trong suốt quá trình đó, sinh viên được yêu cầu sử dụng sáng tạo những gì họ đã học, sử dụng linh hoạt và tự do ngôn ngữ, đạt được tính chính xác và trôi chảy trong giao tiếp.

Phương pháp này tương đối thống nhất, dễ vận hành, có thể tiếp cận từng bước về hình thức ngôn ngữ và phản ánh mức độ giao tiếp nhất định trong dạy học ngoại ngữ. Cụ thể:

a. Nhấn mạnh vào mô hình giảng dạy cấu trúc-chức năng-giao tiếp, làm tăng lượng đầu vào và đầu ra ngôn ngữ và tăng đáng kể tần suất thực hành ngôn ngữ mục tiêu trong lớp học. Khi dạy học theo phương pháp dạy học “3P”, trước tiên giáo viên giới thiệu và minh họa cho học sinh các dạng ngôn ngữ chính cần học, sau đó tổ chức cho học sinh thực hiện các bài tập khác nhau (bài cơ học, bài tập mô phỏng, biểu diễn...), sau đó đưa ra các hình thức đào tạo tương ứng. Các tình huống gần như giao tiếp cho phép học sinh hoàn thành các nhiệm vụ giao tiếp do giáo viên đặt ra dưới sự kiểm soát hiệu quả nhằm đạt được mục đích sử dụng và đầu ra ngôn ngữ. Trong quá trình này, học sinh học các tài liệu do giáo viên cung cấp, cấu trúc, chức năng và ứng dụng của ngôn ngữ đều do giáo viên cung cấp, nhiệm vụ của học sinh là ghi nhớ và vận dụng linh hoạt vào các tình huống giao tiếp với tỷ lệ tương đối cao nên sinh viên tương đối dễ dàng nắm vững nó.

b. Việc dạy học lấy Present, Practice, Production làm các bước cơ bản, giúp giáo viên tổ chức, điều khiển lớp học dễ dàng hơn và nâng cao hiệu quả dạy học trên lớp. Khi giáo viên sử dụng phương pháp dạy học “3P”, cấu trúc cơ bản của lớp học là trình bày-thực hành-sản xuất nên việc tổ chức, điều khiển lớp học tương đối dễ dàng, mọi hoạt động học tập và quá trình học tập của học sinh đều nằm trong sự mong đợi của giáo viên. Đồng

thời, việc phản hồi thông tin về hiệu quả giảng dạy trên lớp cũng rất thuận tiện, giúp giáo viên có thể điều chỉnh các bước, tiến độ giảng dạy tùy theo tình hình nắm bắt của học sinh bất cứ lúc nào, nhờ đó cả lớp ổn định, hiệu quả giảng dạy đạt hiệu quả cao. tự nhiên sẽ được cải thiện.

c. Nhấn mạnh vào việc phân tích cấu trúc ngôn ngữ và nghiên cứu từ vựng, mẫu câu và ngữ pháp, giúp cải thiện đáng kể độ chính xác của việc sử dụng ngôn ngữ. Phương pháp dạy học “3P” là phương pháp dạy học giao tiếp được phát triển trên cơ sở phương pháp dạy học cấu trúc, chú trọng phân tích đặc điểm cấu trúc của ngôn ngữ, nhấn mạnh việc dạy từ vựng, cấu trúc câu và ngữ pháp. Về yêu cầu ngôn ngữ, phương pháp giảng dạy theo trường phái giao tiếp chính xác. Vì vậy, nếu sử dụng phương pháp dạy học này lâu dài thì độ chính xác ngôn ngữ của học sinh sẽ tương đối cao.

Phương pháp 3P tuy còn nhiều nghi vấn nhưng vẫn luôn được sử dụng rộng rãi trong các lớp học ngoại ngữ vì mô hình này có yêu cầu tương đối đơn giản về viết tài liệu giảng dạy, dễ chuẩn bị và giảng dạy, hoàn thành công việc giảng dạy tương đối dễ dàng và đánh giá kết quả học tập của học sinh dễ dàng hơn. Mang tính trực quan, mục tiêu giảng dạy tương đối rõ ràng nên từ lâu phương pháp 3P đã được sử dụng để viết tài liệu giảng dạy và tổ chức giảng dạy trên lớp.

Tuy nhiên, những sai sót của nó là rất rõ ràng. Lớp học 3P không chú trọng tính chủ động, tính năng động của học sinh, làm mất đi vị trí chủ thể của học sinh, mô hình giảng dạy đơn nhất, lấy người dạy làm trung tâm, “nhồi nhét” kiến thức ngôn ngữ, phương pháp giảng dạy không linh hoạt đa dạng, học sinh trở thành đối tượng tiếp nhận tri thức một cách bị động, lớp học cũng thiếu đi tính hứng thú riêng. Cụ thể:

a. Nhấn mạnh cấu trúc và chức năng của ngôn ngữ và bỏ qua các quy tắc thụ đắc ngôn ngữ của học sinh. Việc thụ đắc ngôn ngữ của học sinh dựa vào trải nghiệm thực tế trong bối cảnh thực tế. Việc phân tích một chiều cấu trúc ngôn ngữ và các tình huống giao tiếp giả định rất khó kích thích sự hứng thú thực sự của học sinh đối với học ngôn ngữ và động cơ tham gia.

b. Trong dạy học “3P”, lấy giáo viên làm trung tâm, bỏ qua vị thế chủ đạo của học sinh trong học tập, dẫn đến học sinh không hứng thú học tập và hiệu quả dạy học thấp. Mọi hoạt động dạy học đều được hoàn thành dưới sự hướng dẫn, kiểm soát của giáo viên, việc giảng dạy của giáo viên thường dựa trên hệ thống sắp xếp sách giáo khoa nên nhu cầu, cảm xúc của học sinh không được quan tâm.

c. Lớp học thiếu sự giao tiếp thực sự. Giao tiếp thực tế tiềm ẩn nhiều rủi ro và khó lường, người nói không thể đoán trước được đối phương sẽ nói gì, cũng như không thể chuẩn bị trước cách thức phản ứng. Trong khóa học 3P, hai giai đoạn đầu tiên được kiểm

soát và giai đoạn thứ ba dường như được tự do để học viên thể hiện bản thân, nhưng trên thực tế, người học có xu hướng tập trung vào các hình thức ngôn ngữ mà họ đã thực hành trong hai giai đoạn đầu.

Nhìn chung, phương pháp 3P không lấy học sinh làm trung tâm, bỏ qua tầm quan trọng to lớn của ý nghĩa giao tiếp đối với việc học ngôn ngữ, bỏ qua tính tự chủ, chủ động của học sinh.

2.1.2. Phương pháp dạy học theo kiểu “thả neo”

a. Sự ra đời của phương pháp kiểu “thả neo”:

Chúng ta đều biết rằng, Thuyết kiến tạo do nhà tâm lý học trẻ em nổi tiếng người Thụy Sĩ Piaget đề xuất vào thập niên 60 của thế kỷ 20, sau đó trải qua nhiều học giả như Vygotsky, Bruner đã phát triển hoàn thiện. Trong lĩnh vực giáo dục, khác với lý thuyết dạy học truyền thống, Thuyết kiến tạo chủ trương lấy người học làm trung tâm, phát huy tính năng động, chủ quan của người học dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Người học thu được tri thức thông qua việc phát huy tính chủ thể nhận thức của mình, trong một tình huống nhất định, nhờ sự giúp đỡ của người khác, thông qua đó mà kiến tạo ý nghĩa cho mình. Vì vậy, Thuyết kiến tạo nhấn mạnh khả năng chủ động xây dựng tri thức của người học. [1]

Cùng với trào lưu tư tưởng của Thuyết kiến tạo, trong lĩnh vực giáo dục, hiện nay có nhiều phương pháp dạy học đang được áp dụng, tùy vào việc dạy học theo từng kỹ năng nào và tùy vào người dạy được tiếp thu chúng như thế nào. Chẳng hạn như Phương pháp dạy học theo trường phái giao tiếp (Communicative approach), Phương pháp dựa theo nhiệm vụ (Task-based Language Teaching Approach), Phương pháp dạy học theo “thả neo” (Anchored Instruction), Phương pháp dạy học “bắc giàn giáo” (Vygotsky Scaffolding), *Phương pháp học theo tình huống (Situated learning)*... [2] Ở đây, chúng tôi xin giới thiệu một phương pháp đã được khá nhiều học giả nghiên cứu và áp dụng: phương pháp dạy học theo kiểu “thả neo” (Tên khác: “Học theo phương pháp móc nối” (Anchored Instruction), “Học theo vấn đề” (Problem-Based Learning), “Học theo dự án” (Project based Learning), “Học trong thực tế” (authentic learning)) [3],[4].

Dạy học kiểu “thả neo” (Anchored Instruction) là chiến lược dạy học do Giáo sư J.Bransford cùng nhóm Nhận thức & Công nghệ tại Đại học Vanderbilt (CTGV) đưa ra vào cuối những năm 1980, đầu những năm 1990 và chính thức đưa ra năm 1992 [5]. Phương pháp dạy học này được xây dựng trên cơ sở những sự việc chân thực hoặc những vấn đề chân thực có ý nghĩa với người học. Những sự việc hoặc vấn đề đó được gọi là “neo”, việc xác định sự việc hoặc vấn đề được ví như “thả neo” (Anchored Instruction). Mục đích chủ yếu của phương pháp dạy học này là khiến cho học sinh nảy sinh nhu cầu

học trong một tình huống chân thực và cụ thể, từ đó thúc đẩy tính chủ động học tập của mỗi học sinh và nhu cầu hợp tác, giao lưu giữa các thành viên với nhau để cùng giải quyết các vấn đề được đặt ra trong hoạt động học tập. Đây là phương pháp quan trọng giúp học sinh rèn luyện kỹ năng độc lập nhận biết vấn đề, đưa ra vấn đề và giải quyết vấn đề. Lí thuyết dạy học này cho rằng, học tập là để giải quyết những vấn đề phức tạp, thực tế của cuộc sống, thậm chí cả những vấn đề cuộc sống sẽ đặt ra. Vì vậy, cần phải đặt hoạt động dạy học trong những tình huống cụ thể, hiệu quả học tập cũng cần phải được đánh giá trong tình huống đó. Các hoạt động dạy học nên được thiết kế xung quanh một “mỏ neo”, đó có thể là một số loại tình huống nghiên cứu hoặc vấn đề riêng lẻ. Dạy học kiểu “thả neo” đòi hỏi phải dựa trên những sự kiện có thật hoặc những vấn đề có thật, có tính lây lan, một khi đã xác định được những sự việc, vấn đề đó thì toàn bộ nội dung và quá trình dạy học cũng được xác định. Trong quá trình học, người học nhìn thấy một tình huống có vấn đề, trước tiên hãy vận dụng kiến thức đã có của mình để cố gắng tìm hiểu các hiện tượng, hoạt động trong tình huống đó, trên cơ sở đó giáo viên dần dần hướng dẫn học sinh hình thành một số khái niệm, cách hiểu. Sau đó hãy để họ trải nghiệm và suy nghĩ về vấn đề bằng sự hiểu biết của chính mình.

Phương pháp dạy học theo kiểu “thả neo” thách thức mô hình giảng dạy truyền thống 3P, chú trọng bồi dưỡng tính chủ động và tính năng động của học sinh, nhấn mạnh vị trí chủ thể của học sinh. Vì vậy, chúng tôi cho rằng, phương pháp này có thể bù đắp những thiếu sót của phương pháp giảng dạy truyền thống và giải quyết những thiếu sót tồn tại trong lớp một cách thiết thực và hiệu quả.

b. Đặc điểm cơ bản của phương pháp dạy học theo kiểu “thả neo”:

Theo Lý Chí Hậu [6], phương pháp dạy học theo kiểu “thả neo” này có 6 đặc điểm cơ bản sau:

Giúp học sinh học được nội dung của bài học thông qua việc giải quyết vấn đề trong những tình huống chân thực. Phương pháp này thực hiện sự chuyển đổi căn bản từ học sang làm, thay bằng việc tiếp thu tri thức từ giáo viên hoặc từ sách vở một cách bị động, học sinh có thể tích cực, chủ động tìm cách giải quyết các vấn đề thực tế về nội dung học tập.

Tận dụng tối đa các phương tiện dạy học làm cầu nối giữa kiến thức cũ và kiến thức mới. Những phương tiện này sẽ giúp học sinh cảm thấy mình đang ở trong không gian, thời gian của một tình huống thực tế, giúp học sinh có những phản ứng tâm lí chân thực, tạo động lực để học sinh tìm cách giải quyết các vấn đề đặt ra, từ đó huy động các kiến thức đã có kết hợp với kiến thức mới, hoàn thành quá trình tri nhận.

Khích lệ học sinh mạnh dạn tìm tòi, nghiên cứu. Tôn chỉ của phương pháp này là bồi dưỡng năng lực độc lập tìm tòi, nghiên cứu cho học sinh. Vì vậy, trong quá trình tìm tòi,

phát hiện, đưa ra vấn đề và giải quyết vấn đề, giáo viên phải luôn khích lệ, hướng dẫn hoặc kịp thời can thiệp điều chỉnh giúp học sinh hình thành kỹ năng cho mình.

Tôn trọng những câu hỏi mà học sinh đặt ra. Đặt câu hỏi là một kỹ năng tư duy quan trọng, song trên thực tế có không ít học sinh chưa thực sự biết cách hỏi. Vì vậy, giáo viên cần tôn trọng mọi câu hỏi của học sinh, hướng dẫn chúng đặt những câu hỏi mang tính tổng quát và thách thức cao, từ đó thôi thúc chúng đặt ra những câu hỏi và mục tiêu nhỏ hơn để giải quyết vấn đề mấu chốt nhất.

Khuyến khích hợp tác học tập giữa học sinh với nhau. Hoạt động học tập bao gồm hoạt động độc lập suy nghĩ, tìm tòi của các cá nhân và hoạt động hợp tác giải quyết vấn đề của các nhóm học sinh. Đặc biệt là trong một giờ học ngoại ngữ, do ngôn ngữ có tính xã hội nên giáo viên cần phải tạo các tình huống giao tiếp, các vấn đề để mọi thành viên trong nhóm hoặc trong lớp tham gia vào cùng hợp tác giải quyết.

Giáo viên cùng chia sẻ các tình huống dạy học với học sinh. Phương pháp này không những giúp học sinh học được các kỹ năng và tri thức trong quá trình giải quyết các vấn đề đặt ra trong một tình huống chân thực, củng cố kiến thức đã có, phát triển kiến thức mới mà nó còn là môi trường tốt để giáo viên và học sinh cùng chia sẻ các tình huống dạy học. Tuy mỗi giáo viên có kiến thức, sở thích, quan niệm giá trị khác nhau và khác với học sinh, song trong các tình huống thực tế đó, thông qua vai trò hướng dẫn của giáo viên, học sinh dễ dàng kết nối kiến thức vốn có của mình với kiến thức mới, kiến thức trường học với kiến thức thực tế, từ đó có các cách thức giải quyết vấn đề rất khác nhau. Học sinh được chia sẻ những tri thức, kỹ năng, kinh nghiệm của giáo viên, song giáo viên cũng được chia sẻ các tình huống dạy học, những kiến thức và phương pháp giải quyết vấn đề của học sinh.

2.2. Vận dụng vào dạy môn Tiếng Trung Quốc tổng hợp

Theo Cao Văn, Vương Hải Yến [7], khi thiết kế dạy học kiểu “thả neo” cần tuân thủ theo 4 nguyên tắc sau:

- Hoạt động dạy học cần được thiết kế xoay quanh “neo”;
- Giáo trình, tài liệu phải thích hợp để sinh viên (SV) tìm tòi, nghiên cứu;
- Hoạt động dạy học phải lấy SV làm trung tâm;
- Triển khai hoạt động dạy học theo mức độ tham gia và hợp tác của người học.

Thông thường, quá trình dạy học kiểu “thả neo” được thiết kế theo 5 bước: thiết kế tình huống, xác định vấn đề, độc lập tìm tòi, hợp tác học tập và đánh giá hiệu quả.

Sau đây, chúng tôi xin thiết kế 3 tiết/bài môn Tiếng Trung Quốc tổng hợp cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc.

Về đối tượng SV: SV K72, trường ĐHSP Hà Nội. Đây là những SV năm thứ hai, có nền tảng tiếng Trung Quốc nhất định, trong quá trình dạy học đã nắm được các từ ngữ và cách biểu đạt ở trình độ trung cấp. Về chuẩn đầu ra như sau:

CĐR 2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa, hình thành khả năng làm việc nhóm qua việc học tập và hoạt động. Sau khi kết thúc học kỳ có thể đạt được cấp độ HSK cấp 3 (tương đương cấp độ B1 của Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung châu Âu). Trong quá trình học tập hình thành năng lực tư duy độc lập, biết đánh giá và phân bác ý kiến.

CĐR 3: Từ những thực tiễn và trải nghiệm, sinh viên có thể chủ động tham gia, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động Đoàn để bản thân mở rộng các mối quan hệ, tự đánh giá và cố gắng phấn đấu.

CĐR 4: Đáp ứng được CĐR của chương trình đào tạo liên quan đến năng lực ngành là sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên nghe nói đọc viết lưu loát chủ đề phức tạp hơn trong cuộc sống với những ý kiến đánh giá và phân bác. [8]

Về giáo trình, tài liệu: Giáo trình chính “Giáo trình Boya III” phiên bản II (2012) do Lý Hiểu Kỳ chủ biên, bài “Du học Trung Quốc” (留学中国), tr.27-38.

Về mục tiêu giảng dạy: (1) Hiểu nội dung bài học và có thể trả lời các câu hỏi liên quan tới chủ đề của bài; (2) nắm được các từ ngữ trọng điểm, như: “do” (由于), “nếu như... thì...” (如果 (要是)... (就) ...), “thay” (替), “đã từng><chưa từng...qua” (曾经><没有...过), “không bằng” (不如), 3 chữ “de” (的、地、得)...

Về phương pháp: Học tập theo nhóm (chia làm 4 nhóm lớn, 8 nhóm nhỏ).

Về giáo cụ: Dạy bằng ppt, video clip, file mp3.

Về thời gian: 3 tiết

(Giảng viên (GV) yêu cầu SV: a. Chuẩn bị kỹ bài học; b. Tình huống để nói ra những câu có: “do” (由于), “nếu như... thì...” (如果 (要是)... (就) ...), “thay” (替), “đã từng><chưa từng...qua” (曾经><没有...过), “không bằng” (不如), cách dùng 3 chữ “de” (的、地、得)...); c. Xem trước 3 tình huống chính và những video clip tham khảo.)

Các bước giảng dạy/thời lượng	Hoạt động của GV	Hoạt động của SV
Chuẩn bị: 10'	Giải đáp mọi thắc mắc của SV	- Nêu ra những từ, ngữ và câu trọng điểm (nếu có);

		- Mỗi nhóm cử 1-2 SV đọc bài (chú ý ngữ âm, ngữ điệu) - Nói những câu sau: “do” (由于), “nếu như... thì...” (如果 (要是)... (就) ...), “thay” (替), “đã từng><chưa từng...qua” (曾经><没有 ... 过), “không bằng” (不如), cách dùng 3 chữ “de” (的、地、得...) và cảm nhận chúng trong ngữ cảnh. - Các nhóm thống nhất lại lần cuối những tình huống thảo luận.
Thiết kế tình huống: 20’ (Mục đích của việc thiết kế tình huống dạy học là để quá trình học được diễn ra trong những tình huống giống hoặc gần giống với thực tế. Khi đó, mọi năng lực tri nhận của SV sẽ được kích hoạt để xử lý những vấn đề mà tình huống dạy học đặt ra, giúp cho SV ứng dụng một cách chân thực và hiệu quả những kiến thức vốn có của mình, đồng thời giúp chúng ý thức được tính tương quan và ý nghĩa của những tri thức được học trong bài. Khi ấy, SV sẽ sử dụng những kiến	GV đưa ra 3 tình huống: - TH1: Học tiếng Trung Quốc như thế nào nhanh nhất? Tham khảo clip: https://m.youtube.com/watch?v=u9Ek9QVx-MY - TH2: Ở Trung Quốc, 1 lần ra ngoài ăn trưa cùng bạn. Tham khảo clip: https://m.youtube.com/watch?v=Hlu_gSKFvPo - TH3: SV sẽ gặp những thuận lợi và khó khăn gì khi đến học tập tại thành phố lớn và thành phố nhỏ? Tham khảo clip: https://m.youtube.com/watch?v=lKhePF53eFU	

thức và kinh nghiệm trong cấu trúc tri nhận vốn có của mình để “đồng hóa” (assimilation) kiến thức mới vừa học được, từ đó cảm nhận được ý nghĩa thực sự của kiến thức vừa học và bản thân quá trình học.)[9]		
Xác định vấn đề: 20’ (GV cần phải khích lệ SV lựa chọn, tìm ra một số vấn đề hoặc sự việc chân thực có liên quan chặt chẽ đến chủ đề bài học làm nội dung học tập chính. Mục đích là để SV cảm nhận ngay được tính cấp thiết cần phải đi giải quyết ngay những vấn đề thực tế này. Có nhiều cách giải quyết vấn đề như cá nhân,	- GV cần phải khích lệ SV lựa chọn; - SV thấy được tính cấp thiết của những vấn đề (VĐ) thực tế này. - Chia lớp ra nhóm nhỏ: + Vấn đề 2: chia thành 8 nhóm nhỏ; + Vấn đề 1: cả lớp; + Vấn đề 3: chia thành 4 nhóm nhỏ.	HS lựa chọn theo tính cấp thiết là: VĐ2, VĐ1 và VĐ3. - VĐ2: Ở Trung Quốc, khi mới học hơn năm tiếng, có 1 lần ra ngoài ăn trưa cùng bạn và hàng loạt chuyện đã xảy ra. - VĐ1: Học tiếng Trung Quốc như thế nào nhanh nhất? Liệu SV chỉ luyện Nghe, Nói, Đọc, Viết nhiều đã là tốt? - VĐ3: SV sẽ gặp những thuận lợi và khó khăn gì khi đến học tập tại thành phố lớn và thành phố vừa, nhỏ?

nhóm nhỏ, nhóm lớn, cả lớp; có thể từng người giải quyết, có thể cho các bạn tập đóng kịch để giải quyết. GV đề cho SV thỏa sức sáng tạo, “thêm mắm thêm muối”. Giai đoạn này, người dạy chỉ hướng dẫn SV “thả neo” mà thôi.)		
Độc lập tìm tòi: 30’ (GV không nên nói cho SV các phương pháp giải quyết mà chỉ nên cung cấp những đầu mối có thể tìm ra phương pháp giải quyết vấn đề đó, như: tìm kiếm những tài liệu gì, lấy các thông tin liên quan ở đâu... Sở dĩ phương pháp dạy học kiểu “thả neo” nhấn mạnh vai trò chủ động học	- GV đi đến từng nhóm đặt một vài câu hỏi, giúp đỡ SV về từ vựng, về văn hóa ẩm thực, cho SV biết tìm tài liệu ở đâu và như thế nào... - Cả lớp chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV. - 4 nhóm chuẩn bị để thảo luận.	VĐ 2: - Diễn biến như nào, những ai tham gia, ai là người đi ăn, ai là ông chủ, ai là người phục vụ, ai là cô gái, gặp những khó khăn gì, đến gọi những món gì, thanh toán làm sao? - Những khó khăn về từ vựng của SV như không hiểu đầu vịt, tim lợn, gan lợn, lòng già là gì? Khi đổi sang món khác thì đổi món gì? Ông chủ phải nói thế nào để SV hiểu? Khi SV vẫn không hiểu thì ông chủ phải làm gì? - VĐ 1: SV làm gì khi ở trên lớp? Xuống lớp? Cuối tuần?

tập của SV, bởi vì quan điểm giáo dục theo Thuyết kiến tạo cho rằng, SV tích cực tham gia vào các hoạt động dạy học là phương cách tốt nhất để chúng hiểu được vấn đề, giải quyết vấn đề và cùng nhau trao đổi kinh nghiệm làm việc. Ở giai đoạn này, GV cần đặc biệt chú ý năng lực học tập chủ động của SV, bao gồm: năng lực xác định nội dung học, năng lực tìm kiếm tư liệu và thông tin liên quan, năng lực sử dụng, đánh giá tư liệu và thông tin.)		- <u>VĐ 3</u>: SV thích thành phố lớn hay thành phố nhỏ hơn? Vì sao?
Hợp tác học tập: 50' (Mục tiêu dạy học theo kiểu “thả neo” là tạo ra môi trường để SV cùng nhau hợp tác giải	- GV cần phải khuyến khích SV cùng hợp tác suy nghĩ; - Tìm tòi các tài liệu và thông tin; - Thảo luận các phương án xử lý khác nhau, cùng nhau tìm ra phương án tối ưu; - Động viên, khích lệ SV, nhất là những SV trầm tính, ít nói; - <u>VĐ2</u>: chia SV thành 8 nhóm nhỏ để thảo luận; - <u>VĐ1</u>: GV yêu cầu trả lời;	- <u>VĐ 2</u>: Chọn món ăn; khó khăn của chủ nhà hàng; tên các món bằng tiếng Trung; cô gái xuất hiện; người nước ngoài không ăn tim lợn, gan lợn, dạ dày, lòng già; SV gọi 1

quyết vấn đề. Do có nhiều vấn đề khác nhau trong các tình huống dạy học, bản thân mỗi vấn đề cũng khá phức tạp và sẽ có nhiều phương án giải quyết, vì vậy đòi hỏi tinh thần hợp tác cao của mỗi SV. Trong quá trình dạy học, GV cần phải khuyến khích SV cùng hợp tác suy nghĩ, tìm tòi các tài liệu và thông tin, thảo luận các phương án xử lý khác nhau, cùng nhau tìm ra phương án tối ưu để giải quyết vấn đề.)	- VD3: chia SV thành 4 nhóm nhỏ để thảo luận.	hoặc 2, 3 món ăn thử; khách kiêng không ăn, chuyển ăn món khác; ông chủ dùng điện thoại để tìm thông tin cho khách.... Cô gái giải thích với ông chủ thế nào? Dạy SV tên các món ăn đó như thế nào? Thanh toán tiền? Cô gái đã giải quyết những khó khăn ra sao? SV cảm ơn cô gái? Mời cô ăn cùng? Xin số điện thoại... <u>VD 1:</u> Nghe giảng? Xem Tivi? Nghe tàu hải? Nghe tin tức? Giúp đỡ lẫn nhau với bạn Trung Quốc? Đọc báo? Viết chữ Hán? Đọc tiểu thuyết tiếng Trung? Học hát và thỉnh thoảng đi hát Kara OK? Tra từ điển? Lên mạng? Đi du lịch? Yêu đương? Xem phim truyền hình? Đi dịch... - <u>VD3:</u> Ở thành phố lớn: học và sinh hoạt tiện lợi hơn? Nhưng người nói tiếng Anh quá nhiều? Ở thành phố vừa và nhỏ: bây giờ cũng tiện, lại được học thêm tiếng địa phương? Còn bạn, bạn thích học
--	--	---

		và sống ở đâu? Vì sao?
Đánh giá hiệu quả: 10' (Hiệu quả học tập cần được đánh giá trong suốt quá trình làm việc của SV chứ không nên thiết lập riêng một bước đánh giá hiệu quả. Trong quá trình dạy học, GV phải chú ý quan sát và ghi chép tỉ mỉ để làm cơ sở cho việc đánh giá. GV nhận xét ngắn gọn về hiệu quả hội thoại, những gì cần chú ý về nội dung, về tìm tài liệu...)	Khi đánh giá, GV chú ý: - Đánh giá sau SV; - Không nên chỉ xem kết quả thảo luận, cần chú trọng hơn đến tiến bộ của mỗi SV trong quá trình biểu đạt, bao gồm: khắc phục cảm giác sợ khó khăn, dũng cảm biểu đạt, mạnh dạn áp dụng từ ngữ và cấu trúc câu mới để biểu đạt, đoàn kết hợp tác trong quá trình thảo luận, mức độ tham gia của SV... - Chỉ nên đánh giá các mặt chính, khuyến khích, khẳng định, biểu dương tính tích cực biểu đạt của SV là chủ yếu.	Trong nhóm SV tự đánh giá, đưa ra những ưu khuyết điểm của mình (1-2 câu) và một vài nhận xét bổ sung.
Kiểm tra SV làm bài tập: 10'	- 13 câu hỏi kiểm tra nhanh (p.30, 31); - Kiểm tra bài tập 5	- SV làm 13 câu hỏi kiểm tra nhanh; - Làm bài tập 5.

3. KẾT LUẬN

Tóm lại, phương pháp dạy học theo kiểu “thả neo” rất có lợi đối với việc nâng cao hiệu quả giảng dạy tiếng Trung Quốc nói riêng và các môn học khác nói chung, bồi dưỡng năng lực học tập tự chủ cho người học, nâng cao năng lực phát hiện vấn đề và xử lý vấn đề, từ đó cảm nhận được ý nghĩa thực sự của kiến thức vừa học và bản thân quá trình học. Tuy nhiên, phương pháp này cũng đưa ra những thách thức về mặt thao tác không nhỏ cho người dạy. Đó là, làm thế nào để “thả neo” cho hiệu quả. Mô hình giảng dạy này đang

không ngừng phát triển mạnh mẽ về mặt lý luận và thực tiễn, đã phát huy ưu thế độc đáo trong lĩnh vực dạy học tiếng Trung Quốc, có ý nghĩa quan trọng đối với sự thay đổi về phương pháp giảng dạy và thúc đẩy chuyển đổi phương thức học tập của sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Thiện, *Thuyết kiến tạo: cơ sở lý luận và quan điểm dạy học*, Giáo dục và xã hội, 2021, Số 127 (188) 54-59.
2. Đoàn Diễm Cúc, 交际型日语教学法及其应用 (*Phương pháp dạy học theo trường phái giao tiếp tiếng Nhật và ứng dụng của nó*), Nhà xuất bản Đại học Vũ Hán, Trung Quốc, 2018 06-10.
3. Nguyễn Thị Hằng, *Tổ chức hoạt động học theo vấn đề trong dạy học sinh thái học ở Khoa Sinh, trường Đại học Sư phạm*, Luận án Tiến sĩ, 2015 07.
4. Pasi Silander (Nguyễn Minh Thành dịch), *Học tập dựa trên hiện tượng*, Dạy & Học, 2018, số 1 (2018) 06-07.
5. J.Bransford, 人们如何学习: 大脑、思维、经验和学校 (*Con người học tập như thế nào: đại não, tư duy, kinh nghiệm và trường học*), Trình Khả La dịch, NXB Đại học Sư phạm Hoa Đông, Trung Quốc, 2002.
6. Lý Chí Hậu, 变革课堂教学方式 (*Cách mạng trong đổi mới phương pháp dạy học*), Nxb Giáo dục Quảng Đông, Trung Quốc, 2010, 261-264.
7. Cao Văn, Vương Hải Yến, 抛锚式教学模式 (*Mô hình giảng dạy kiểu theo kiểu “thả neo”*), Triển vọng giáo dục toàn cầu, Đại học Sư phạm Hoa Đông, Trung Quốc, 1998 (03) 68-71.
8. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Chương trình giáo dục đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, mã ngành 7220204 (Ban hành theo Quyết định số 258/QĐ-ĐHSPHN ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 494.
9. Nguyễn Quang Thuần, *Từ lý thuyết kiến tạo đến lý thuyết kiến tạo xã hội*, Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài, 2017, Số 4 (2017) 137-148.

TEACHING METHOD: FROM TRADITIONAL 3P TO “ANCHORED”*Nguyen Van Thien, Chu Quang Thang*

Abstract: *The “3P” teaching method divides language teaching into three stages: Present → Practice → Production. In the teaching process, the lecturer facilitates the mastery of language knowledge by presenting and practicing such knowledge, and then allows students to engage in hypothetical communication under control or semi-control, thereby achieving language output and shaping learning outcomes. The “anchored” teaching method was developed from the theoretical perspectives of constructivism. Accordingly, students must be the subject of the class, and at the same time promote the guiding role of the lecturer. During lectures, learner-centered, students can participate in communication as much as possible, improve their communication capacity in a context close to reality, thereby constantly improving their knowledge and cognitive capacity.*

Keywords: *3P teaching method, “anchored”, Chinese*

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 04-9-2024; ngày phản biện đánh giá: 05-10-2024; ngày chấp nhận đăng: 01-11-2024)